

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ, sử dụng kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, ngày 03/9/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Quản lý, bảo vệ, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh VL;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQVN tỉnh VL và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Các phòng: KT-NV;
- Lưu: VT, 5.09.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý, bảo vệ, sử dụng kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 04 / 6 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy định về phân cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh; không phân cấp đối với đường đô thị do đã được phân cấp tại Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; quy định cụ thể về số hiệu đường huyện.

2. Quy định một số nội dung về bảo vệ, sử dụng đường bộ và hành lang an toàn đường bộ địa phương (kể cả đường đô thị) gồm: Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Đấu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác được quy định tại Điều 1 Chương này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

1. Theo Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT: “Đường bộ địa phương bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã)”.

2. Công trình đường bộ, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các từ ngữ liên quan đến giao thông đường bộ được quy định tại Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008 và các văn bản hướng dẫn hiện hành như Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải như Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT), Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT), Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 (sau đây gọi tắt là

Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT).

3. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là công trình thiết yếu) được xác định theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG, QUY ĐỊNH SỐ HIỆU ĐƯỜNG HUYỆN

Điều 4. Phân cấp cơ quan quản lý đường bộ địa phương.

1. Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với: các tuyến đường tỉnh và một số tuyến đường khác không thuộc hệ thống đường tỉnh, trừ các đoạn tuyến đường tỉnh qua đô thị đã phân cấp cho UBND cấp huyện quản lý (có danh mục kèm theo).

2. UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với: các tuyến đường huyện, đường xã (hoặc ủy quyền cho UBND cấp xã quản lý đường xã), các tuyến đường khác trên địa bàn huyện, trừ các tuyến đường quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các tuyến đường xã (nếu được UBND cấp huyện ủy quyền), các tuyến đường khác trên địa bàn xã (trừ các tuyến đã phân cấp tại các Khoản 1, 2 Điều này).

Điều 5. Số hiệu đường huyện.

1. Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Mã số đường huyện là số tự nhiên có 02 (hai) chữ số; mã số quy định đặt số hiệu theo đơn vị hành chính như sau:

Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
Thành phố Vĩnh Long	10 - 19	Thị xã Bình Minh	50 - 59
Huyện Long Hồ	20 - 29	Huyện Vũng Liêm	60 - 69
Huyện Mang Thít	30 - 39	Huyện Trà Ôn	70 - 79
Huyện Tam Bình	40 - 49	Huyện Bình Tân	80 - 89

3. Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐH.x
- “ĐH” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện.
- “x” là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó, là số tự nhiên có 02 (hai) chữ số như bảng trên.

Trường hợp sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyển tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyển đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và gắn với các chữ cái B, C Ví dụ: ĐH.40B, ĐH.40C...

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này.

2. Trước khi mở rộng địa giới khu vực nội thành, nội thị có đường bộ đi qua, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xây dựng các điểm đầu nối đối với đoạn đường bộ sẽ nằm trong nội thành, nội thị.

3. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được.

4. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, bãi đỗ xe và các dịch vụ kinh doanh khác.

Điều 7. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

1. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với đường bộ đang khai thác phải được UBND tỉnh chấp thuận thiết kế trước khi phê duyệt dự án (hoặc phê duyệt thiết kế kỹ thuật).

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác áp dụng theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và theo Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT sửa đổi bổ sung Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Trước khi thi công, Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác phải được cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 4 của Quy định này cấp phép thi công.

4. Trình tự, thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và theo Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT sửa đổi bổ sung Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về xây dựng công trình thiết yếu không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và

phải được cơ quan quản lý đường bộ bàn giao mặt bằng trước khi thi công và nghiệm thu hạng mục sau khi hoàn thành việc xây dựng.

Điều 8. Xây dựng công trình thiết yếu trên đường bộ được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo.

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, Chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải, các sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết;

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo về cấp quyết định đầu tư để xem xét, quyết định;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án đường bộ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án đường bộ;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu liên quan đến công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy định này để được cấp Giấy phép thi công.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 9. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác.

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do Cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp thực hiện việc đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

2. Trước khi thi công Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ đang khai thác phải được Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp Giấy phép thi công.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công và thủ tục cấp phép thi công áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Tổ chức quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối đường nhánh với đường tỉnh.

1. Các đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh trước khi xây mới hoặc nâng cấp, cải tạo thì Chủ đầu tư công trình, dự án phải lập và gửi hồ sơ thiết kế đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét, chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải được quy hoạch theo quy định, thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến sự bền vững của kết cấu công trình đường tỉnh đó.

4. Các dự án đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo có đầu nối vào đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư hoặc thẩm định thiết kế cơ sở không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế.

Điều 11. Cấp phép thi công nút giao đầu nối đường nhánh với đường tỉnh.

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh trước khi thi công phải được Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công xây dựng công trình.

2. Trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

5. Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

6. Các dự án đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo có đầu nối vào đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư hoặc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công không phải cấp phép thi công.

Điều 12. Đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường xã.

Đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường xã trước khi xây dựng phải có văn bản đề nghị và phải được UBND cấp huyện chấp thuận. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, UBND huyện phải có văn bản trả lời. Trường hợp UBND cấp huyện không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý, bảo kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Sở Giao thông vận tải.

a) Trực tiếp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về tải trọng, kích thước, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ.

e) Chấp thuận, cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý.

f) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ, cắm mốc lộ giới đối với đường bộ được giao quản lý; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

a) Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được phân cấp theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

c) Quản lý, sử dụng đất trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Đề xuất, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện quản lý, bảo vệ, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với đường bộ được giao quản lý.

e) Theo thẩm quyền: chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo đúng quy định hiện hành.

f) UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải trong giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ các quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan.

1. Công an tỉnh.

a) Chỉ đạo lực lượng công an thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ và việc chấp hành các quy định về tải trọng, kích thước, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ.

d) Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tham mưu cho UBND cấp huyện xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

2. Sở Xây dựng.

Hướng dẫn việc lập quy hoạch xây dựng; phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ

3. Sở Công Thương.

Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng hệ thống các cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các công trình xây dựng chuyên ngành khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

4. Sở Tài chính.

Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện,

UBND cấp xã tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Sở Thông tin và Truyền thông.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện các công trình, dự án ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chỉ đạo các doanh nghiệp thông tin và truyền thông phát triển hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện trong giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức; giao đất đối với cơ sở tôn giáo và cộng đồng dân cư phải tuân thủ các quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

7. Các Sở, ngành liên quan khác.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Những nội dung không nêu trong quy định này sẽ áp dụng theo quy định tại các văn bản của Chính phủ và Bộ ngành Trung ương có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

